

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thanh Hải và bà Chế Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Trần Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Hoàng Mỹ Vy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 211/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn F xã I, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nghiêm Xuân T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: thôn T xã I, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị và anh Nghiêm Xuân T1, qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh Quảng Ngãi) ngày 04 tháng 4 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Chị và anh T1 đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 ăn chơi, nghiện ngập, sống không có trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình; một mình chị T phải nuôi con và lo toan, gánh vác mọi việc trong gia đình. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh Nghiêm Xuân T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu **Nghiêm Xuân T2**, sinh ngày 10/10/2013 và cháu **Nghiêm Khả H**, sinh ngày 26/01/2023. Khi ly hôn, chị **T** có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh **Q** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn - anh **Nghiêm Xuân T1**: Anh **Nghiêm Xuân T1** đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh **T1** không tham gia tố tụng để trình bày ý kiến, quan điểm và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Anh **T1** cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh **Nghiêm Xuân T1** không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9,11,12 và 13 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Huỳnh Thị T**, cho chị **Huỳnh Thị T** được ly hôn với anh **Nghiêm Xuân T1**. Vì chị **T** và anh **T1** đã không còn chung sống với nhau, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống do đó hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

Về con chung: Giao con chung là cháu **Nghiêm Xuân T2**, sinh ngày 10/10/2013 và **Nghiêm Khả H**, sinh ngày 26/01/2023 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh **T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Đình chỉ giải quyết yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn - chị **Huỳnh Thị T** do chị **T** rút yêu cầu tại phiên tòa.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết;

Án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm, chị **T** phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Huỳnh Thị T** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi giải quyết ly hôn với anh **Nghiêm Xuân T1** có nơi cư trú tại **thôn T, xã I, tỉnh Quảng Ngãi**. Đây là tranh chấp về hôn nhân – gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại **xã I, tỉnh Quảng Ngãi** nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn - anh **Nghiêm Xuân T1**: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng anh **T1** vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt anh **T1**.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Huỳnh Thị T** và anh **Nghiêm Xuân T1** tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã I, thành phố K, tỉnh Kon Tum** (nay là **Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh Quảng Ngãi**) vào ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị **T** và anh **T1** đủ tuổi kết hôn; không bị lừa dối, ép buộc; không thuộc các trường hợp bị cấm kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn đúng quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9,11,12 và 13 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

Về lý do ly hôn: Chị **T** yêu cầu ly hôn với anh **T1** vì lý do anh **T1** ăn chơi, nghiện ngập, sống không có trách nhiệm, không chăm lo cho gia đình, một mình chị **T** phải nuôi con và lo toan mọi việc trong gia đình. Cho đến nay, chị **T**, anh **T1** đã sống ly thân được hơn 01 năm, tình cảm vợ chồng đã không còn, ai làm việc người nấy không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chính quyền địa phương nơi chị **T** và anh **T1** cư trú đã xác nhận: Anh **Nghiêm Xuân T1** hiện không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu và khi nào trở về. Chính quyền có nắm được tình hình vợ chồng chị **T**, anh **T1** có xảy ra mâu thuẫn; đến nay, anh **T1**, chị **T** đã sống ly thân được hơn 01 năm. Về con chung của anh, chị thì 02 cháu hiện đang sống cùng chị **T**.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của chị **T** phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở nhận định: Anh **T1** và chị **T** không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; vợ, chồng sống ly thân, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm các

quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành. Do đó, hôn nhân của chị **T** và anh **T1** được xem là lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **T** theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị **T**, anh **T1** có 02 con chung là **Nghiêm Xuân T2**, sinh ngày 10/10/2013 và **Nghiêm Khả H**, sinh ngày 26/01/2023. Sau khi ly hôn, chị **T** có nguyện vọng nuôi 02 cháu, đồng thời, yêu cầu anh **T1** phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị **T** một tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: **V**, chồng có quyền thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nhưng do anh **T1** không tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và các bên cũng không thỏa thuận được với nhau. Về điều kiện nuôi con của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị **T** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Mặc dù không có sự quan tâm về mọi mặt, không có sự đóng góp về kinh tế đều đặn của anh **T1** nhưng chị **T** vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc con tốt, đảm bảo việc học tập cho 02 con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao 02 con chung là cháu **T2** và cháu **H** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị **T** rút yêu cầu về cấp dưỡng tiền nuôi con vì lý do chị không tin tưởng vào thiện chí và trách nhiệm của anh **T1**; hơn nữa, chị cho rằng anh **T1** không có điều kiện thi hành án. Từ trước đến nay, chủ yếu chị nuôi con một mình; thỉnh thoảng, anh **T1** có hỗ trợ kinh tế nhưng không đáng kể. Xét thấy: Đây là sự tự nguyện của chị **T** nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9,11,12 và 13 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2025 của chị **Huỳnh Thị T** về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với anh **Nghiêm Xuân T1**.

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh **Nghiêm Xuân T1**.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu **Nghiêm Xuân T2**, sinh ngày 10/10/2013 và **Nghiêm Khả H**, sinh ngày 26/01/2023 cho đến khi con chung cháu **T2, H** đủ 18 tuổi và tự lập được.

Anh **Nghiêm Xuân T1** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn - chị **Huỳnh Thị T**.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Huỳnh Thị T** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số: 0002488 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án để xin cấp phúc thẩm xét xử lại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Phòng THA dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi.
- UBND xã Iachim, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Phương Loan

.